TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 09, 27/02 – 03/03/2023

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

"Xu hướng giằng co chiếm chủ đạo, thị trường cần thêm chất xúc tác"

Chứng khoán toàn cầu lấy lại sự phấn khởi, sắc xanh lan tỏa. Các quan chức FED tiếp tục đưa ra quan điểm trái chiều về lộ trình lãi suất sắp tới. Dù vậy, tâm lý thị trường được thúc đẩy khi Chủ tịch Fed khu vực Atlanta, Raphael Bostic, cho biết ông nghĩ ngân hàng trung ương có thể giữ mức nâng lãi suất thêm 25 điểm cơ bản thay vì nâng 50 điểm cơ bản như một số quan chức khác ủng hộ. Thêm vào đó, PMI sản xuất tháng 02 của Trung Quốc đã phục hồi ấn tượng lên 52.6 điểm từ mức 50.1 của tháng 1 và vượt qua dự báo 50.5 điểm. Đây là tháng có PMI cao nhất kể từ tháng 4/2012. PMI lĩnh vực phi sản xuất cũng tăng lên 56.3 điểm từ mức 54.4 của tháng 1. Sự hồi phục kinh tế Trung Quốc đóng vai trò quan trọng vì quốc gia này là đối tác thương mại lớn của nhiều nước trong khu vực và thế giới. Chốt tuần, Dow Jones, S&P 500 tăng lần lượt 1.8% và 1.9%. Chứng khoán châu Âu cũng giao dịch trong sắc xanh với Stoxx Euro tăng 1.6%. Chứng khoán châu Á lấy lại đà tăng khi Hang Sen, Shanghai bật tăng 2.8% và 1.9%. Nikkei cũng hòa chung không khí với mức tăng 1.7%.

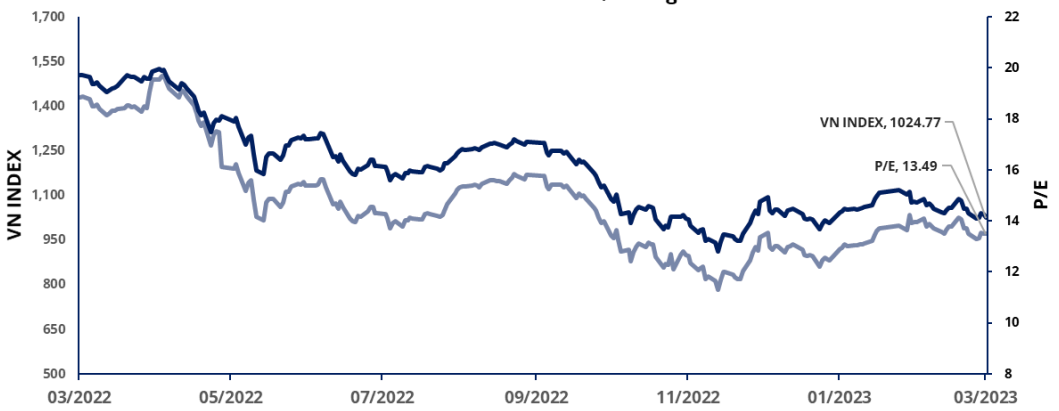
Dầu thô WTI kết thúc tuần gần mức 80 USD/thùng, phục hồi hơn 4% so với đà giảm của tuần trước đó. Dữ liệu báo cáo mới của EIA cho thấy tồn kho của Mỹ vẫn cao nhưng được bù đắp nhờ sự lạc quan về triển vọng của Trung Quốc. Trong khi đó, Lợi suất trái phiếu kho bạc Mỹ giảm về dưới mức 4% cùng với chỉ số Dollar rời xa mức 105 sau khi bật tăng mạnh trong tuần tạo cho thị trường một số khoảng thời gian nghỉ ngơi.

Chứng khoán Việt Nam tiếp tục giằng co, tâm lý thận trọng chi phối giao dịch khiến chỉ số khó khăn trong chiều hướng đi lên và đã phải lùi về sắc đỏ. Kết tuần, VN-Index giảm 14.8 điểm (-1.4%) về mức 1024.8 điểm, HNX Index cũng giảm 2.4 điểm (-1.2%) về 204.9 điểm. Khối ngoại tiếp tục bán ròng trong khi NĐT cá nhân trong nước mua ròng. Điểm sáng trong kinh tế là chỉ số PMI sản xuất của Việt Nam tháng 2/2023 đã quay trở lại trên mức 50 điểm, gợi lên kỳ vọng phục hồi của khu vực sản xuất từ trạng thái sụt giảm đơn hàng cuối năm trước. Tuy nhiên, những ẩn số về dòng tiền trên thị trường trái phiếu vẫn làm giới đầu tư lo ngại. Đa phần các nhóm ngành đều bị điều chỉnh giảm trong tuần. Nhóm Dầu khí, Đầu tư công cho thấy giao dịch khởi sắc. Ở chiều ngược lại, nhóm vốn hóa lớn đang kìm hãm đà tăng của chỉ số. Về tâm điểm tuần sau, tại Hoa Kỳ, báo cáo việc làm, số liệu ngoại thương và các bài phát biểu của một số quan chức Fed sẽ chiếm vị trí trung tâm. Ở những nơi khác, dữ liệu lạm phát và thương mại sẽ được công bố cho Trung Quốc cũng như cập nhật GDP từ Vương quốc Anh, Eurozone, Hàn Quốc và Nhật Bản. Cuối cùng, các ngân hàng trung ương ở Canada, Úc, Nhật Bản và Malaysia sẽ quyết định chính sách tiền tệ.

Góc nhìn và khuyến nghị: Chỉ số vẫn đang đi tìm vùng cân bằng và cần thêm thời gian để tích lũy. Điểm tích cực là khớp lệnh cũng sụt giảm đáng kể so với tuần trước cho thấy cung bán gần như yếu ớt hơn. Khu vực tâm lý 1,000 điểm sẽ đóng vai trò là hỗ trợ quan trọng cho xu hướng. Hiện tại chỉ số vẫn đang lơ lửng dưới ngưỡng kháng cự MA20 tuần, đồng thời ở khung đồ thị ngày đã xuất hiện điểm giao cắt xuống của đường MA20 và MA50, phát tín hiệu xu hướng giảm xác nhận nên rủi ro giao dịch sẽ cao hơn. Thị trường cần một phiên bật tăng khỏi ngưỡng 1,060 điểm để xác nhận đảo chiều, trường hợp vẫn chưa vượt lên được thì vị thế vẫn thiên về quan sát.

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,025	-1.4	-4.9	-5.1	1.8		13.5	1.6	174
Upcom Index	76	-1.2	0.3	5.0	5.8		12.2	1.6	41
HNX Index	205	-1.2	-4.8	-5.1	-0.2		18.7	1.2	10
VN30 Index	1,013	-1.7	-6.7	-7.3	0.8		10.8	1.6	128
S&P 500 Index	3,981	1.9	-3.8	-2.2	3.7		19.1	3.9	34,460
STOXX Europe 600 Index	463	1.4	0.4	4.4	8.9		13.6	1.9	13,351
Hang Seng	20,568	2.8	-5.0	10.1	4.0		12.1	1.2	2,919
Nikkei 225	27,927	1.7	1.5	0.5	7.0		22.6	1.7	3,597
SHCOMP Index	3,328	1.9	2.0	5.5	7.7		14.5	1.4	6,937
STI Index	3,232	-1.5	-4.5	-0.8	-0.6		12.8	1.1	371
KOSPI Index	2,432	0.3	-1.9	-0.1	8.7		11.7	0.9	1,425

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

[Chuyên viên phân tích] Trần Khang
☎ (84-28) 6287-8037
✉ khang.lt@shinhan.com

Mở tài khoản

WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1W	1M	1M	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Định giá Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	-1.4	-5.2	1.8	-33.0	-29.8	-42.5	57.3	0.0	11.1	1.7	3,505,444
Mid Cap	-1.5	-3.7	1.7	-33.4	-19.6	-29.6	39.9	-0.2	13.7	1.0	504,434
Small Cap	-0.8	-1.3	3.3	-28.5	-17.2	-26.8	2.9	0.2	22.6	0.6	73,959

Theo ngành

Tên ngành	1W	1M	YTD	% Thay đổi GTGD 1W	% Thay đổi GTGD 1M	% Thay đổi GTGD 3M	% Tỷ trọng GTGD Current	% Tỷ trọng GTGD Change	Định giá P/E	Định giá P/B	Định giá Vốn hóa (Tỷ VND)
Dầu khí	3.1	5.5	22.2	-35.3	-22.3	-18.9	1.7	-0.1	6.9	2.2	61,334
Du lịch và Giải trí	0.4	-5.7	-8.9	-22.5	-2.5	-35.3	0.8	0.1	n.a	9.0	92,782
Dược và Y tế	-0.7	-1.5	3.9	35.3	44.0	44.4	0.4	0.2	12.8	1.9	31,674
Tiện ích	-0.9	0.3	4.6	-6.5	5.7	-5.2	2.9	0.8	12.3	2.0	319,455
Xây dựng và vật liệu	-0.9	-2.4	8.9	-41.2	-24.5	-21.7	8.1	-1.1	14.2	0.9	96,017
Bảo hiểm	-0.9	-2.0	4.0	-37.5	-31.1	-43.5	0.4	0.0	18.9	1.6	47,302
Ngân hàng	-1.0	-3.1	7.2	-32.6	-34.8	-46.6	20.5	0.1	8.1	1.5	1,529,761
Ô tô & Phụ tùng	-1.0	-4.0	0.4	-28.3	-16.6	-14.6	0.6	0.0	9.5	1.0	13,442
Tài nguyên cơ bản	-1.4	-2.8	13.4	-29.9	-19.3	-23.3	13.8	0.6	24.1	1.1	158,745
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-1.4	-4.2	0.5	-40.0	-33.0	-47.2	3.6	-0.4	9.9	1.1	105,511
Bất động sản	-1.5	-9.8	-7.0	-30.2	-19.4	-36.1	19.7	0.8	13.1	1.2	699,247
Hóa chất	-1.6	-9.9	-4.5	-39.9	-35.8	-42.5	3.7	-0.4	5.8	1.0	125,060
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.7	-2.7	-6.1	-27.2	-29.7	-32.8	1.1	0.1	10.4	1.7	48,354
Tài chính	-2.1	-5.7	4.0	-43.0	-28.0	-47.2	11.0	-1.9	15.6	0.9	97,644
Công nghệ Thông tin	-2.6	-2.3	1.7	-14.7	-10.0	-18.1	1.2	0.2	6.9	2.6	97,980
Thực phẩm và đồ uống	-2.9	-7.4	-3.1	-24.8	-23.8	-39.8	8.1	0.9	21.1	2.7	479,652
Bán lẻ	-5.9	-14.4	-5.6	-32.8	-33.7	-35.7	2.4	0.0	14.5	2.3	78,592
Truyền thông	-7.1	-5.5	9.4	-52.2	-6.9	-0.5	0.0	0.0	7.9	0.7	964

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**3,465**	**-2.7**	**23.2**	**561.7**	**234.5**
Nước ngoài	**2,328**	**3.0**	**28.9**	**529.3**	**205.9**
VanEck Vectors Vietnam ETF	488	1.1	1.7	138.0	90.3
Fubon FTSE Vietnam ETF	693	0.0	0.0	73.0	1.5
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	678	0.0	-9.9	227.5	115.0
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	305	1.3	21.5	66.6	49.1
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	134	0.0	14.2	22.9	-51.4
Premia MSCI Vietnam ETF	15	0.0	0.0	0.0	0.0
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	5	0.6	1.3	1.3	1.3
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**1,137**	**-5.7**	**-5.7**	**32.3**	**28.6**
DCVFMVN Diamond ETF	594	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	346	-5.2	-5.2	24.3	23.2
SSIAM VNFIN LEAD ETF	158	-0.6	-0.6	12.0	5.9
MAFN VN30 ETF	26	0.0	0.0	-1.0	0.0
SSIAM VNX50 ETF	5	0.1	0.0	-3.0	-0.5
VinaCapital VN100 ETF	4	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	3	0.0	0.0	0.0	0.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	22,975	26,831	-160,700
Ấn độ	-656	102	-4,197	-4,197
Indonesia	217	63	236	236
Nhật Bản*	-2,953	-821	1,405	1,405
Maylaysia	-73	-35	-157	-157
Philippines	-117	-39	-59	-59
Hàn Quốc	49	460	6,515	6,618
Sri Lanka	0	0	9	9
Đài Loan	-224	-224	8,123	8,123
Thái Lan	-262	-98	-826	-826
Việt Nam	-32	-13	79	79

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

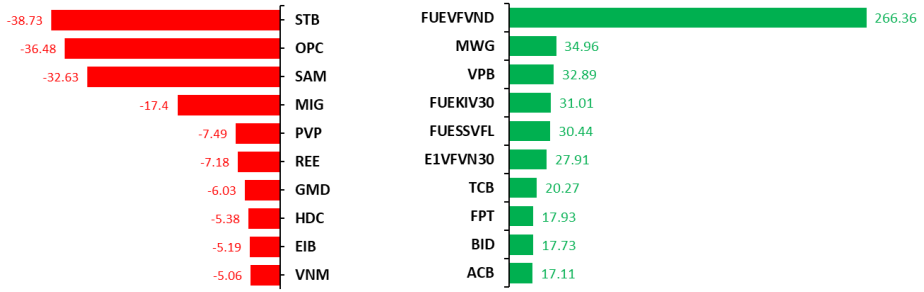
Chú thích:

-WTD: từ đầu tuần
-MTD: từ đầu tháng
-QTD: từ đầu quý
-YTD: từ đầu năm

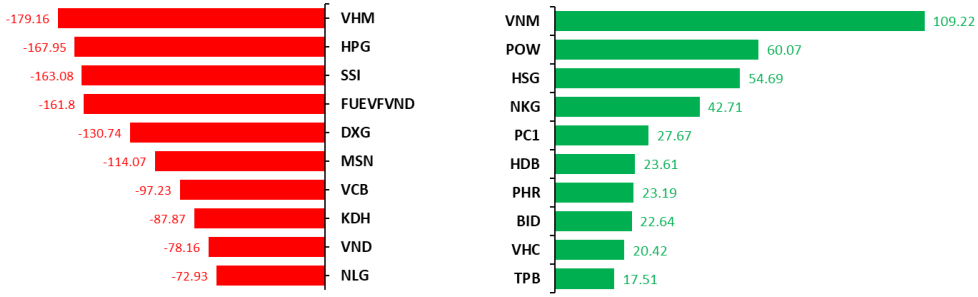
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	78	-555	537	17
Tài nguyên Cơ bản	2	-65	139	-74
Truyền thông	0	0	1	-1
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-22	-34	110	-76
Y tế	-36	-4	30	-26
Hóa chất	9	-16	66	-49
Dịch vụ tài chính	355	-448	245	204
Du lịch và Giải trí	-1	14	-5	-9
Ngân hàng	52	-129	660	-531
Xây dựng và Vật liệu	3	47	-26	-21
Thực phẩm và đồ uống	11	-56	17	38
Bán lẻ	47	-10	-2	12
Điện, nước & xăng dầu khí đ	-4	23	-29	6
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2	12	-8	-3
Công nghệ Thông tin	-15	-14	20	-7
Ô tô và phụ tùng	0	-14	10	4
Bảo hiểm	-18	14	-10	-4
Dầu khí	-1	15	-41	25
Tổng	457	-1,221	1,715	-494

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Shinhan Securities

WEEKLY SNAPSHOT
Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX *

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	DIG	Bất động sản	9.40 - 89.51	11.8	-14.86%
2	IJC	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	7.40 - 26.64	12.1	-12.64%
3	MSN	Thực phẩm và đồ uống	69.10 - 135.67	76.0	-11.53%
4	SCR	Bất động sản	3.59 - 22.50	6.3	-10.59%
5	NVL	Sản xuất nông nghiệp	10.05 - 88.30	10.4	-9.21%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
22.97%	3.6	2.30 - 14.00	Bất động sản	TDH
20.45%	18.9	7.18 - 27.45	Ô tô và phụ tùng	TMT
11.59%	18.3	6.73 - 26.85	Công nghệ Thông tin	ST8
10.39%	9.0	5.50 - 16.30	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VTO
6.57%	18.3	17.05 - 44.67	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TV2

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SGH	Du lịch và Giải trí	25.20 - 71.00	31.0	-20.51%
2	THS	Bán lẻ	12.50 - 50.60	12.5	-17.22%
3	LBE	Truyền thông	13.48 - 23.10	15.0	-16.67%
4	LM7	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.10 - 8.50	2.1	-16.00%
5	PSD	Bán lẻ	10.23 - 35.38	13.8	-15.85%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
39.13%	6.4	2.90 - 8.50	Tài nguyên Cơ bản	SSM
27.27%	16.8	9.00 - 20.20	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	TOT
20.31%	7.7	4.70 - 7.80	Thực phẩm và đồ uống	HKT
20.00%	6.0	4.17 - 13.50	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	PCT
19.52%	25.1	17.10 - 28.00	Y tế	MED

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	RCC	Xây dựng và Vật liệu	9.97 - 44.80	14.3	-46.84%
2	BAL	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	5.20 - 16.50	6.1	-32.97%
3	SBD	Công nghệ Thông tin	6.80 - 16.05	6.8	-32.00%
4	VSF	Thực phẩm và đồ uống	3.20 - 8.90	5.6	-29.11%
5	GTH	Xây dựng và Vật liệu	3.00 - 10.80	4.0	-28.57%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
100.00%	38.8	4.30 - 91.30	Thực phẩm và đồ uống	CFV
69.77%	7.3	2.60 - 13.40	Xây dựng và Vật liệu	QNT
57.58%	26.0	13.70 - 33.10	Xây dựng và Vật liệu	TDF
53.13%	24.5	7.50 - 37.20	Xây dựng và Vật liệu	HFB
47.83%	6.8	3.80 - 20.60	Xây dựng và Vật liệu	YBC

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W	Giá (nghìn VND)	Biến động 52 tuần	%1W
1	STG	Kho Vận Miền Nam	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	205.4	334.7	42.0	26.10 - 48.30	7.7
2	DHC	Đông Hải Bến Tre	Tài nguyên Cơ bản	4,481.4	174.1	39.2	25.13 - 75.83	3.7
3	DBD	Dược - TB Y tế Bình Định	Y tế	3,786.3	153.0	41.8	33.95 - 48.80	-0.5
4	PPC	Nhiệt điện Phả Lại	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1,149.1	106.4	15.5	10.50 - 22.80	5.1
5	DPR	Cao su Đồng Phú	Hóa chất	1,298.4	104.4	52.0	38.30 - 102.10	-1.1
6	VHC	Thủy sản Vĩnh Hoàn	Thực phẩm và đồ uống	18,546.8	102.5	56.9	55.20 - 118.00	-4.5
7	DIG	DIC Corp	Bất động sản	140,565.6	93.4	11.8	9.40 - 89.51	-14.9
8	PVT	Vận tải Dầu khí PVTrans	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	42,893.0	85.9	20.5	13.50 - 29.50	5.9
9	VSC	VICONSHIP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	4,066.7	83.9	30.2	29.00 - 50.00	-2.7
10	ACB	Ngân hàng Á Châu	Ngân hàng	74,687.5	79.0	24.5	17.45 - 27.44	-0.4

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

WEEKLY SNAPSHOT
Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

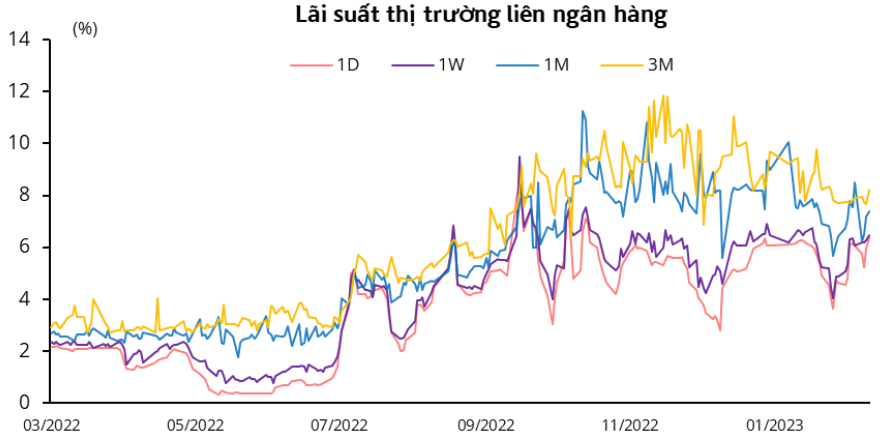
	Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dollar index	104.52	-0.66	1.56	-0.02	0.97	
VND/USD	23,728	-0.25	1.19	-1.14	0.40	
KRW/USD	1,301.30	-0.26	5.85	0.67	2.83	
JPY/USD	135.87	-0.45	3.57	-0.64	3.62	
EUR/USD	0.94	-0.82	1.50	-1.35	0.66	
SGD/USD	1.35	-0.41	1.62	-0.93	0.41	
CNY/USD	6.90	-0.80	1.56	-0.84	0.08	

Hàng hóa

	Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Trend
Dầu thô	79.68	4.40	8.57	-0.38	-0.72	
Xăng	275.04	16.61	18.50	20.61	11.83	
Gas	3.01	22.77	24.85	-52.09	-32.76	
Than	188.90	-9.70	-19.96	-51.69	-53.26	
Vàng	1,856.48	2.51	-0.46	4.96	1.78	
Bạc	21.26	2.40	-4.88	-4.46	-11.24	
Platinum	982.66	7.63	0.60	-1.98	-8.53	
Quặng sắt	126.64	0.63	1.10	17.87	13.80	
Thép cán	4,423.00	1.17	5.97	12.83	6.66	
Lúa mì	695.75	-1.76	-8.06	-5.63	-12.15	
Ngô	645.25	-0.73	-4.76	1.61	-4.90	
Gỗ	370.80	-4.21	-25.81	-6.36	-0.78	

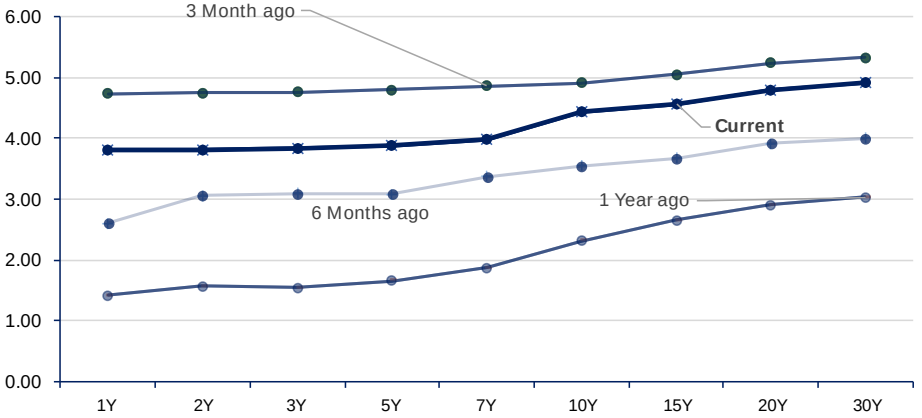
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Nguồn: SBV

Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	3.82	3.82	3.84	3.87	3.98	4.43	4.56	4.80	4.91
Thay đổi (BPS)*	-0.20	-0.20	0.00	0.20	1.80	2.10	0.60	0.10	0.10

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

*Thay đổi so với tuần trước đó

Shinhan Securities

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
22nd Floor, Centec Tower, 72-74 Nguyen Thi Minh Khai Street,
District 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo Tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Bản quyền ⓒ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.